*Ngày dạy: 26/10/2023*

**Tiếng Việt**

**- 92+93 -**

**Bài 43: im, ip**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phát triển năng lực đặc thù - năng lực ngôn ngữ**

- Nhận biết các vần **im, ip;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **im, ip.**

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **im,** vần **ip.**

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Sẻ và cò.*

- Viết đúng các vần **im, ip** và các tiếng **bìm, bịp** (trên bảng con).

**2. Góp phần pháp triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học và thực tế

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Ti vi để chiếu hình minh họa từ khóa và từ trong bài tập mở rộng vốn từ hoặc tranh ảnh, mẫu vật, vật thật

- Vở bài tập tiếng việt 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**Tiết 92**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **\* Ổn định tổ chức** (1’)  **A. Hoạt động mở đầu:** (5’)  - GV gọi HS đọc bài *Lúa nếp, lúa tẻ* (bài 42)  ? Em hiểu được điều gì qua câu chuyện này?  - GV gọi HS nhận xét  - GV nhận xét  **B. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **1. Giới thiệu bài:** (2’)  - GV: Ở bài trước các em đã được học vần **êm,** vần **êp.** Bài học hôm nay, các em sẽ được học thêm 2 vần nữa là **im,** vần **ip.**  **2. Chia sẻ và khám phá:** (BT1: Làm quen)  **2.1.** Dạy vần **im** (5’)  - GV chỉ vần **im** (từng chữ **i, m)**  - GV yêu cầu HS phân tích vần **im**  - GV gọi HS đánh vần và đọc trơn.  - GV chỉ hình, hỏi:  ? Đây là gì?  ? Trong từ *bìm bịp* tiếng nào có âm **im**?  - GV giới thiệu *bìm bịp:* loại chim rừng, nhỏ hơn gà, đuôi dài, lông màu nâu, kiếm ăn trên mặt đất, trong các lùm cây, bụi cỏ, tiếng kêu “bìm bịp”.  - GV giới thiệu mô hình tiếng **bìm.**    - GV chỉ lại mô hình vần **im,** mô hình tiếng **bìm,** từ khoá.  **2.2.** Dạy vần **ip** (5’)  - GV chỉ vần **ip** (từng chữ **i, p)**  - GV yêu cầu HS phân tích vần **ip**  - GV gọi HS đánh vần và đọc trơn.  - GV chỉ hình, hỏi:  ? Trong từ *bìm bịp* tiếng nào có vần **ip**?  - GV giới thiệu mô hình vần **ip.**    - GV chỉ lại mô hình vần **ip,** mô hình tiếng **bịp,** từ khoá.  ? Các em vừa được học vần mới, tiếng mới nào?  - GV chỉ mô hình từng vần, tiếng, cả lớp đánh vần, đọc trơn.  **3. Hoạt động luyện tập**  **3.1. Mở rộng vốn từ** (5’)(BT 2: Tìm tiếng có vần **im,** tiếng có vần **ip)**  - GV xác định yêu cầu  - GV chỉ từng chữ dưới hình  - GV giải nghĩa từ *kịp* bằng hình ảnh hai HS thi chạy, bạn nam sắp đuổi kịp bạn nữ; *nhíp* (dụng cụ thường dùng để nhổ tóc bạc, tóc sâu, lông mày).  - GV yêu cầu từng cặp HS tìm tiếng có vần **im,** vần **ip** trong VBT.  - GV mời 2 HS báo cáo kết quả.  - GV chỉ từng từ in đậm.  - GV yêu cầu HS nói thêm 3-4 tiếng ngoài bài có vần **im**, có vần **ip**.  **3.2. Tập viết (BT4 - Bảng con)** (10’)  a. Đọc  - GV yêu cầu HS đọc đọc các chữ, tiếng vừa học được viết trên bảng lớp.  b. GV hướng dẫn HS viết vần **im, ip**  - GV mời HS nói cách viết vần **im.**  **-** GV viết mẫu, hướng dẫn: viết **i** trước, **m** sau; lưu ý nối nét giữa **i** và **m. (**Làm tương tự với vần **ip.)**  - GV yêu cầu HS viết: **im, ip** (2 lần).  c. Viết: **bìm bịp** (như mục b)  - GV viết mẫu, hướng dẫn: **bìm** (viết **b** trước cao 5 li, vần **im** sau, dấu huyền đặt trên **i) / bịp** (viết **b** trước, vần **ip** sau, dấu nặng đặt dưới **i,** chú ý **p** cao 4 li).  - GV yêu cầu HS viết: **bìm bịp.**  - GV nhận xét  **\* Củng cố, dặn dò** (2’)  - GV nhận xét tiết học.  - Ôn, đọc lại các âm, chữ **im, ip**  - Tìm xung quanh nơi em sống các sự vật, con vật có âm **im, ip**  - Luyện viết bảng con thêm các vần, các tiếng vừa học. | - 1HS đọc  - HS trả lời  - HS nhận xét  - HS lắng nghe  - HS đọc âm **i,** chữ **m,** vần **im.**  - HS phân tích: vần **im** gồm có âm **i** đứng trước, âm **m** đứng sau.  - HS (cá nhân, cả lớp) đánh vần: **i - mờ - im / im.**  - HS trả lời: bìm bịp  - HS: Tiếng **bìm** có vần **im.**  - HS nghe  - HS (cá nhân, tổ, cả lớp) đánh vần: bờ - im - bim - huyền - bìm / bìm.  - Cả lớp đánh vần, đọc trơn: i - mờ - im / bờ - im - bim - huyền - bìm / bìm.  - HS đọc âm **i,** chữ **p,** vần **ip.**  - HS phân tích: vần **ip** gồm có âm **i** đứng trước, âm **p** đứng sau.  - HS (cá nhân, cả lớp) đánh vần: **i - pờ - ip / ip.**  - HS trả lời: Tiếng **bịp** có vần **ip**  - HS (cá nhân, tổ, cả lớp) đánh vần: bờ - ip - bip - nặng - bịp / bịp.  - Cả lớp đánh vần, đọc trơn: i - pờ - ip / bờ - ip - bip - nặng - bịp / bịp.  - HS nói 2 vần mới vừa học: **im, ip;** 2 tiếng mới: **bìm, bịp.**  - Cả lớp đánh vần, đọc trơn  - HS quan sát, nghe  - 1 HS đọc, cả lớp đọc: *nhím, kịp, cà tím, kìm, chim, nhíp*  - HS quan sát, nghe  - HS làm bài trong VBT  - HS báo cáo kết quả  - Cả lớp: Tiếng **nhím** có vần **im.**  Tiếng **kịp** có vần **ip...**  - HS tìm và nói  - HS đọc: **im, ip, bìm bịp.**  - 1HS trả lời  - HS quan sát, lắng nghe  - HS viết bảng con  - HS quan sát, lắng nghe  - HS viết bảng con |

**Tiết 93**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **\* Ổn định tổ chức (1’)**  **3. Hoạt động luyện tập**  **3.2. Tập đọc** (32’)(BT 3)  a. GV chỉ hình, giới thiệu bài *sẻ và cò:* sẻ nhỏ bé. Cò thì to, khoẻ. Cò mò tôm, bắt tép trên cánh đồng. Trong bài là hình ảnh cò cắp sẻ ở mỏ, đang bay qua hồ. Điều gì xảy ra với hai bạn? Các em cùng nghe đọc bài.  b. GV đọc mẫu  - Đọc xong GV mô tả thêm: Khi sẻ chê mỏ cò thô, cò chả nói gì. Sẻ rủ cò bay qua hồ, gặp gió to, sẻ chìm nghỉm dưới nước, cò lại thò mỏ gắp sẻ, đưa nó qua hồ. Cò tốt bụng, không giận sẻ huênh hoang, vẫn cứu sẻ.  c. GV yêu cầu HS gạch chân các từ sau: **gặp gió to, chìm nghỉm, kịp, thò mỏ gắp, chả dám chê** và luyện đọc.  d. Luyện đọc câu  ? Bài đọc có mấy mấy câu?  - GV chỉ từng câu cho cả lớp đọc thầm rồi đọc thành tiếng.  - GV yêu cầu HS đọc tiếp nối từng câu  - GV yêu cầu HS tìm, đọc tiếng trong bài có vần **im** *(chìm nghỉm),* vần **ip** *(kịp).*  e. GV tổ chức thi đọc tiếp nối 2 đoạn (3 câu/ 4 câu).  g. Tìm hiểu bài đọc  - GV đưa lên bảng 4 thẻ ghi 4 câu, giải thích yêu cầu bài tập: Câu 1, 2 đã được đánh số TT, HS cần đánh số TT vào ô trống trước câu 3, 4.  - GV chỉ từng câu cho cả lớp đọc  - GV yêu cầu HS làm bài trong VBT  - GV mời 1 HS lên bảng, viết số TT trước 2 câu văn trên thẻ.  - GV yêu cầu cả lớp đọc lại 4 câu theo TT đúng (đọc câu 3 trước 4)  - GV yêu cầu cả lớp đọc lại 2 trang của bài 43; đọc cả 8 vần mới học trong tuần.  **3. Củng cố, dặn dò** (2’)  - GV nhận xét tiết học.  - Dặn HS về nhà đọc cho người thân nghe bài Tập đọc *Sẻ và cò.* | - HS nghe và quan sát  - HS nghe  - HS quan sát, nghe và đọc  - HS trả lời: 7 câu  - Cả lớp đọc thầm rồi đọc thành tiếng (1 HS, cả lớp).  - HS đọc (cá nhân, từng cặp).  - HS tìm, nêu  - HS đọc  - 1 HS đọc cả bài  - Cả lớp đọc đồng thanh.  - HS nghe  - Cả lớp đọc  - HS làm bài  (4)*Cò kịp thò mỏ... .*  (3)*Gặp gió to, sẻ... .*  - Cả lớp đọc  (1) sẻ chê...  (2) sẻ rủ cò...  (3) Gặp gió to, sẻ chìm nghỉm.  (4) Cò kịp thò mỏ gắp sẻ.  - Cả lớp đọc |

***Điều chỉnh sau bài dạy:***

….…………………………………………………………………………………

….…………………………………………………………………………………